TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ- ST
Ngày 05/02/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Ngô Rô Be**
2. Bà Phan Thị Trúc Phương
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp K 9, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

***- Bị Đơn*:** Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K 9, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Huỳnh Thị T trình bày: tôi và anh Nguyễn Văn V chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/08/2009. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 12 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau và vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Tôi xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 14/10/2009.

Hiện nay cháu đang chung sống với chồng tôi,

- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

- Về phần nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn V

Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 14/10/2009 cho anh V chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tôi xin cấp dưỡng nuôi con 1.000.000/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày**: Theo bản tự khai ngày 20/11/2020 của anh V trình bày: anh V và chị Huỳnh Thị T chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới và có đăng ký đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng hay cự cãi.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung gồm:

1. Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 14/10/2009

Cháu hiện đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Tại Tòa án anh V yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với cô Huỳnh Thị T.

Về quan hệ con chung: Tôi xin nhận nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn V với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Văn V, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn V. Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn V thuận tình ly hôn.

[4] **Về quan hệ con chung:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn V. Giao cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 14/10/2009 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Đ là sau khi chị T và anh V ly hôn thì cháu sẽ sống với anh V.

[5] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do chị T và anh V không có tài sản chung và chị T, anh V tự nguyện thỏa thuận về nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] **Về cấp dưỡng:** Xét yêu cầu của chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Quốc Đ đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Hiện nay tại phiên tòa cho thấy chị T làm nghề công nhân ở tỉnh Bình Dương và có thu nhập là 5.000.000đ/01 tháng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy chị T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp với thực tế. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận chị T cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quốc Đ số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Quốc Đ đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật, thời gian bắt đầu chị T cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quốc Đ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn V yêu cầu chị Huỳnh Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc Đ 2.000.000/01 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Quốc Đ đủ 18 tuổi là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Hiện nay tại phiên tòa cho thấy chị T làm nghề công nhân ở tỉnh Bình Dương và có thu nhập là 5.000.000đ/01 tháng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy chị T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp với thực tế. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận chị T

cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quốc Đ số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Quốc Đ đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của anh Nguyễn Văn V.

[8] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0008047 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

[9] **Về án phí cấp dưỡng:** áp dụng điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Huỳnh Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn V thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn V. Giao cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 14/10/2009 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Đ là sau khi chị T và anh V ly hôn thì cháu sẽ sống với anh V.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Huỳnh Thị T. Chị Huỳnh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quốc Đ số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Quốc Đ đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu chị T cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quốc Đ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Bác lời khai nại của anh Nguyễn Văn V về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị T nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0008047 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

6. Về án phí cấp dưỡng: Buộc chị Huỳnh Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Huỳnh Thị T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Nguyễn Văn V biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật